

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 4 năm 2019

BẢNG KÊ KHAI GIÁ DỊCH VỤ CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ PTSC

(Kèm theo công văn số 331/CDV-TM ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Công ty Cảng DV Dầu khí)

Stt	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Đơn giá
I	Đối với tàu thuyền, hàng hóa hoạt động vận tải nội địa		
1	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại cầu có làm hàng hoặc nhận nước - Giá tối thiểu một lượt cập cầu	Đồng/m/giờ Đồng/tàu	6.300 2.000.000
2	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại cầu không làm hàng hoặc không nhận nước - Giá tối thiểu một lượt cập cầu	Đồng/m/giờ Đồng/tàu	7.500 2.250.000
3	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với các tàu thuyền khác - Giá tối thiểu một lượt đỡ áp mạn	Đồng/m/giờ Đồng/tàu	1.700 600.000
4	Hàng hóa qua cảng	Đồng/tấn	19.200
5	Tàu thuyền không phải tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ	15
6	Tàu thuyền không phải tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu	Đồng/GT/giờ	7,5
II	Đối với tàu thuyền, hàng hóa hoạt động vận tải quốc tế		
1	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại cầu có làm hàng hoặc nhận nước - Giá tối thiểu một lượt cập cầu	USD/m/giờ USD/tàu	0,27 90,00
2	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo, buộc tại cầu không làm hàng hoặc không nhận nước - Giá tối thiểu một lượt cập cầu	USD/m/giờ USD /tàu	0,32 100,00
3	Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với các tàu thuyền khác; - Giá tối thiểu một lượt đỡ áp mạn	USD/m/giờ USD/tàu	0,074 25,00
4	Hàng hóa qua cảng	USD/tấn	0,82
5	Tàu thuyền không phải tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí neo buộc tại cầu, bến	USD/GT/giờ	0,0031
6	Tàu thuyền không phải tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu	USD/GT/giờ	0,0015



Các điều khoản, trường hợp áp dụng:

- a. Đơn giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- b. Đơn vị thời gian 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.
- c. Đơn vị tính giá đối với tàu thuyền là mét (m) cầu, bến dựa trên chiều dài tổng thể của tàu thuyền; phần lẻ dưới 01 m tính bằng 01 m.
- d. Đơn vị khối lượng hàng hóa là tấn; phần lẻ dưới 0,5 tấn không tính, từ 0,5 tấn trở lên tính bằng 01 tấn. Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ 02 m³ trở lên thì cứ 02 m³ tính bằng 01 tấn.
- e. Các định nghĩa, giải thích từ ngữ, đối tượng tính giá dịch vụ, đồng tiền, đơn vị tính và cách làm tròn, và các quy định khác liên quan đến giá dịch vụ sử dụng cầu, bến được tuân thủ áp dụng theo Thông tư 54/2018/TT-BGTVT.
- f. Trong từng trường hợp cụ thể, đơn giá dịch vụ cầu bến theo biểu giá này có thể được áp dụng với biên độ +/- 10% theo phê duyệt của Giám đốc Công ty và đảm bảo trong khung giá được ban hành tại Thông tư 54/2018/TT-BGTVT.
- g. Biểu giá này có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

